

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02/02/2021
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Bắc**
Ông **Nguyễn Xuân Tiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Bách Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 02/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 704/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nông Thị N**, sinh năm: 1988

HKTT: B O, Tổ A phường Đ, Long Biên, Hà Nội

Hiện ở tại: Thôn K, xã Đ, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Duy H**, sinh năm: 1982

HKTT: B O, Tổ A phường Đ, Long Biên, Hà Nội

Hiện đang bị tạm giam tại; Đội Y phân trại C Trại giam T, xã C, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện; bản tự khai ngày 07/12/2020; Biên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 14/01/2021; nguyên đơn chị **Nông Thị N** trình bày:**

Về tình cảm: Chị và anh **Nguyễn Duy H** kết hôn tự nguyện, tự tìm hiểu và có sự đồng ý của hai bên gia đình. Đăng ký kết hôn ngày 17/04/2013 tại UBND xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, chị chuyển xuống Hà Nội

sống cùng gia đình chồng tại số nhà 15/4 Ô Cách, tổ 5 phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội, anh chị sống H phúc được khoảng 09 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống hay cãi vã, chửi bới, đánh đập nhau, bố mẹ chồng có can ngăn nhưng anh H không thay đổi nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ tháng 02 năm 2014 anh chị sống ly thân không còn bất kỳ liên lạc gì với nhau, anh H cũng không tìm gặp chị để hòa giải đoàn tụ. Sau nhiều năm sống ly thân, chị không còn tình cảm với anh H nên muốn ly hôn để ổn định cuộc sống. Qua tìm hiểu chị biết tin anh H đang phải thụ án tù về tội mua bán trái phép chất ma túy tại Trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thanh, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, chị không thể gặp anh H để nói chuyện về việc ly hôn do anh đang phải đi cải tạo. Chị đã đến nhà anh H nói chuyện với bố mẹ chồng về việc chị muốn ly hôn và nhờ ông bà nói chuyện với anh H cho chị. Chị đã được ông Nghĩa – bố chồng điện thoại thông báo cho biết anh H đồng ý thuận tình ly hôn và yêu cầu chị cứ làm thủ tục giải quyết tại Tòa án để giải quyết theo pháp luật. Mâu thuẫn giữa chị và anh H là trầm trọng không thể hòa giải đoàn tụ nên đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung (động sản; bất động sản) và công nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì.

Ngoài những yêu cầu trên chị N không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Do anh Nguyễn Duy H đang thụ án tại Trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thanh, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án đã gửi công văn đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa để tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ đối với anh H tại Trại giam Thanh Cẩm theo quy định của pháp luật.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2020; đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt tại Tòa án tại Trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thanh, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa bị đơn anh Nguyễn Duy H trình bày:** Anh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và biết việc chị N xin ly hôn, anh và chị N kết hôn tự nguyện, có tổ chức cưới vào ngày 19/05/2013. Đăng ký kết hôn ngày 17/04/2013 tại UBND xã Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn, sau khi kết hôn anh chị sống cùng gia đình anh tại Hà Nội được khoảng 06 tháng thì chị N bỏ nhà trốn đi lao động ở Malaixia, giữa anh và chị N chỉ liên lạc qua điện thoại, anh không biết chị N ở đâu nên không làm thủ tục ly hôn được. Anh chị sống ly thân đã lâu và xác nhận vợ chồng không còn tình cảm. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung (động sản; bất động sản) và công nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì.

Ngoài những tài liệu chứng cứ chị Nông Thị N nộp khi khởi kiện, anh đã được Tòa án công khai chứng cứ, anh không nộp thêm tài liệu chứng cứ gì khác, không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập và làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và các bước tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

** Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:*

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 11/12/2020 bà Dương Thị Minh, sinh năm 1960; HKTT: xã Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn là mẹ đẻ chị Nông Thị N cho Tòa án biết: Chị N năm 2010 xuống Hà Nội làm việc và có quen biết anh H , tháng 05 năm 2013 hai gia đình tổ chức cưới cho anh chị theo nghi lễ truyền thống. Sau khi kết hôn chị N về ở cùng với bố mẹ chồng tại số nhà 15/4 phố Ô Cách, tổ 5 phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội. Sau khi anh chị kết hôn sống H phúc được một thời gian đầu thì bắt đầu có mâu thuẫn, chị N tâm sự với bà do anh chị bất đồng về quan điểm sống, cách sống nên thường xuyên cãi nhau về những mâu thuẫn dù rất nhỏ và chị N xin bà cho về ở với gia đình tại Lạng Sơn để đi làm và làm lại cuộc sống. Bà đã khuyên giải chị N cố gắng thích nghi để vợ chồng hàn gắn, xây dựng tình cảm nhưng không được. Khoảng tháng 02 năm 2014 chị N chuyển về ở hẳn với gia đình bà tại Lạng Sơn. Bà đã xuống Hà Nội để gặp mặt ông bà thông gia nhằm mục đích hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng cả hai anh chị đều không đồng ý. Chị N và anh H cũng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Anh chị sống ly thân đã lâu, nay chị N muốn ly hôn để ổn định cuộc sống bà cũng nhất trí và ủng hộ vì anh chị không thể hòa giải mâu thuẫn đoàn tụ. Hiện nay, anh H đang phải thụ án tại trại giam Thanh Cẩm, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa nên cũng không có điều kiện để giải quyết ly hôn thuận tình. Ông Nghĩa là bố đẻ anh H cũng nói cho bà việc anh H biết chị N đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án và anh cũng đồng ý ly hôn. Việc chị N muốn ly hôn với anh H bà cũng tôn trọng quyết định của chị, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống; Về con chung: Anh chị không có con chung; Về tài sản, nhà ở và công nợ chung: bà không biết và không có ý kiến.

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 11/12/2020 ông Nguyễn Duy Nghĩa, sinh năm 1958; HKTT: số nhà 15 ngõ 4 phố Ô Cách, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội là bố đẻ anh Nguyễn Duy H cho Tòa án biết: Anh H và chị N kết hôn có sự đồng ý của hai bên gia đình và tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi kết hôn chị N về ở cùng với ông bà tại 15/4 phố Ô Cách, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội. Anh chị kết hôn sống H phúc được một thời gian đầu thì bắt đầu có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, chị N xin ông cho về ở với gia đình mẹ đẻ tại Lạng Sơn để đi làm nên anh H và chị N sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Sau khi chị N bỏ về nhà, hai bên gia đình thông gia đã gặp mặt để hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng không được. Anh chị sống ly thân đã lâu, nay chị N muốn ly hôn để ổn định cuộc sống, ông cũng nhất trí và ủng hộ vì anh chị không thể hòa giải mâu thuẫn đoàn tụ. Hiện anh H đang phải thụ án tại trại giam Thanh Cẩm, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Trước khi chị N gửi đơn đến Tòa án thì chị đã xuống Hà Nội gặp ông nói chuyện muốn ly hôn anh H và nhờ ông chuyển lời giúp tới anh H , anh H biết việc này và đồng ý thuận tình ly hôn. Việc chị N xin ly hôn với anh H ông cũng tôn trọng quyết định của anh chị, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh chị được ly hôn để ổn định cuộc sống; Về con chung: Anh chị không có con chung; Về tài sản, nhà ở và công nợ chung: ông không biết và không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nông Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy H và giữ nguyên quan điểm về những vấn đề khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Duy H đồng ý thuận tình ly hôn, anh có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên những ý kiến đã trình bày.

** Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về Tổ tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt; Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 68, 147, 203, 208, 209, 210, 211, 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị N đối với anh Nguyễn Duy H ; Về con chung: Anh chị khai không có nên không xem xét xét; Về tài sản, nhà đất ở, công nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nông Thị N có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Duy H . Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Duy H có hộ khẩu thường trú tại: 15/4 Ô Cách, Tổ 5 phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội, hiện đang bị tạm giam tại; Đội 19 phân trại 2 Trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thanh, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nông Thị N có mặt, bị đơn là anh Nguyễn Duy H có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với anh H , Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; anh H đã nhận và đồng ý thuận tình ly hôn đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về tình cảm: Xét thấy, chị Nông Thị N và anh Nguyễn Duy H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/04/2013 (Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2013 quyền số 01/2012) tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh H không H phúc, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau. Tháng 02 năm 2014 anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay, cả hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ai muốn làm gì thì làm. Chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị kiên quyết xin ly hôn. Anh H cũng đồng ý thuận tình ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân của anh chị đã không tồn tại từ tháng 02 năm 2014 kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay. Cả hai anh chị không còn liên hệ với nhau về mặt tình cảm, không có trao đổi để hòa giải đoàn tụ, tháng 03 năm 2019 anh H phải đi thụ án tại trại giam Thanh Cẩm và hiện phải đi chấp hành án một thời gian dài, chị N cũng không còn tình cảm với anh H. Chị N có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H và anh H cũng đồng ý vì không còn tình cảm với chị. Cả hai anh chị đều xác định không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Nông Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Duy H là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

Về con chung: Anh chị khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản, nhà đất ở chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Anh chị khai không nợ ai, không ai nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí: Chị Nông Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của **chị Nông Thị N** đối với anh **Nguyễn Duy H** .

Chị **Nông Thị N** được ly hôn với anh **Nguyễn Duy H** .

2. Về con chung: Anh chị khai không có con chung, nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về công nợ chung: Anh chị khai không nợ ai, không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Nông Thị N** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016637 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

6. Chị **Nông Thị N** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Anh **Nguyễn Duy H** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố. Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND xã Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.